PHỤ LỤC I
MỘT SỐ CHỈ TIÊU TỔNG HỢP VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch 2021-2025	Thực hiện		Kết quả thực hiện giai đoạn 2021- 2025 (%)	Ghi chú
				2020	2025		
I	**KINH TẾ**						
1	*GTSX Nông, lâm nghiệp và thủy sản*	Tỷ đồng	4-5%/năm	113,8	132,2	103,04	Không đạt
	Nông nghiệp	*Tỷ đồng*		*83,8*	*88,0*	100,98	
	Lâm nghiệp	*Tỷ đồng*		*13,1*	*21,0*	109,90	
	Thủy sản	*Tỷ đồng*		*16,9*	*23,2*	106,54	
2	*Công nghiệp và xây dựng*	*Tỷ đồng*	10-11%/năm	696,0	944,0	106,29	Không đạt
	+Công nghiệp	*Tỷ đồng*		*530,9*	*735,0*	106,72	
	+Xây dựng	*Tỷ đồng*		*165,1*	*209,0*	104,83	
3	Doanh thu bán lẻ hàng hóa - dịch vụ	Tỷ đồng	17-19%/năm	2.796	6.150	117,08	Đạt
	Trong đó: Doanh thu bán lẽ hàng hóa	*Tỷ đồng*		*1.677*	*3.484*	115,75	
4	Thu nhập bình quân đầu người/năm	Triệu đồng	80-90 triệu	60,0	85,0	107,21	Đạt
5	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng		98,1	57,2		Do phạm vi thu thập số liệu thu NS khác nhau nên không so sánh được
	Trong đó:						
	Thu từ thuế, phí, lệ phí, thu khác			42,5	*29,8*		
	Thu tiền sử dụng đất			55,6	*27,4*		

	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch 2021-2025	Thực hiện		Kết quả thực hiện giai đoạn 2021- 2025 (%)	Ghi chú
				2020	2025		
6	Tổng vốn đầu tư XDCB phân cấp thị xã (phường) quản lý	Tỷ đồng	550-600 tỷ		Giai đoạn 2021 - 2025: 409 tỷ		Không đạt
	Trong đó:						
	NSTW, tỉnh hỗ trợ				*Giai đoạn 2021 - 2025: 204 tỷ*		
	NS phường (thị xã)				*Giai đoạn 2021 - 2025: 205 tỷ*		
7	Số doanh nghiệp thành lập mới/năm	Doanh nghiệp	10-15	21	*Giai đoạn 2021 - 2025: 15,6 DN*		Vượt
II	**VĂN HÓA - XÃ HỘI**						
1	Dân số trung bình	Người	24.950	23.694	23.730		
2	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	<1	0,90	0,31		
3	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	%	100	95	99,7		
4	Mức giảm hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	Hộ/năm	Giảm 10-12 hộ		*Giai đoạn 2021 - 2025: giảm bình quân 18 hộ/năm*		Đạt
5	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế so với dân số	%	100	97,0	99,8		
6	Giáo dục						
6,1	Trường học đạt chuẩn Quốc gia			12,0	12,0		Đạt
	- Trong đó: Trường chuẩn quốc gia mức độ 2			3,0	4,0		

	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch 2021-2025	Thực hiện		Kết quả thực hiện giai đoạn 2021- 2025 (%)	Ghi chú
				2020	2025		
6,2	*Tỷ lệ huy động vào nhà trẻ*	*%*	*70-75*	*68,0*	*78,9*		Đạt
6,3	*Tỷ lệ huy động vào mẫu giáo*	*%*	*>98%*	*98,0*	*99,0*		Đạt
7	Tạo việc làm mới hàng năm	Người/năm	350-400	380,0	*Giai đoạn 2021 - 2025: 426 người/năm*		Đạt
	Trong đó: Xuất khẩu lao động	*Người/năm*		*20,0*	*Giai đoạn 2021 - 2025: 28 người/năm*		Đạt
8	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	80-85		86		Đạt
9	Số phường đạt chuẩn đô thị văn minh	Phường	2		3		Vượt
10	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	xã	1		1		Đạt
11	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt danh hiệu văn hóa	%		100			
12	Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa	%		95			
III	**TÀI NGUYÊN- MÔI TRƯỜNG**						
1	Tỷ lệ che phủ rừng	%			58		
2	Tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh						
	- Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	100	95,0	100,0		Đạt

	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch 2021-2025	Thực hiện		Kết quả thực hiện giai đoạn 2021- 2025 (%)	Ghi chú
				2020	2025		
	- Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch hợp quy chuẩn	%	100	96,0	100,0		Đạt
3	Tỷ lệ hộ được thu gom rác thải	%	100		100,0		Đạt
	Trong đó:						
	Phường 1, 2, 3 (cũ)	*%*		*100,0*	*100,0*		
	Phường An Đôn (cũ)	*%*		*100,0*	*100,0*		
	Xã Hải Lệ (cũ)	*%*		*75,0*	*94,0*		
4	Số hộ dân đấu nối mới vào hệ thống xử lý nước thải	Hộ	600		*Giai đoạn 2021 - 2025: 600 hộ*	*Lũy kế đến hết năm 2025 là 742 hộ*	Đạt